TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-PT
Ngày: 13-12-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Bích Huyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị C, sinh năm 1965; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Tổng công ty cổ phần B. Địa chỉ trụ sở: Số 95 đường Trần Thái Tông, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y – Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Đình Q (Theo Giấy uỷ quyền số 1024/GUQ-PTI ngày 01-12-2023). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày ngày 08-11-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn (bà Lưu Thị C) là bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà Lưu Thị C mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm Bưu điện N là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Gói bảo hiểm mua cho bà Lưu Thị C thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B.

Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho bà Lưu Thị C đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B.Việc bà Lưu Thị C mua bảo hiểm đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm có các nội dung cụ thể như sau:

- Người mua bảo hiểm là bà Lưu Thị C; người được bảo hiểm là bà Lưu Thị C.

- Thời hạn bảo hiểm đối với bà Lưu Thị C là 12 tháng, tính từ ngày 23-02-2022 đến ngày 23-02-2023.

- Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được bà Lưu Thị C đóng toàn bộ một lần vào ngày 22-02-2022.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Bà Lưu Thị C đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 3 vào ngày 11-01-2022 tại Trạm Y tế xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đến ngày 10-3-2022 bà Lưu Thị C được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu xét nghiệm PCR của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153. Ngày 10-3-2022, bà Lưu Thị C được đưa vào điều trị tại "Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang" để điều trị bệnh Covid-19. Đến ngày 17-3-2022 bà Lưu Thị C được ra viện.

Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, bà Lưu Thị C đã làm thủ tục thông báo việc mình bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho Tổng công ty cổ phần B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của bà Lưu Thị C đã

được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B ngay trong tháng 3/2022. Ngoài việc khai báo online, bà Lưu Thị C còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho Tổng công ty cổ phần B theo đường bưu chính.

Ngày 10-5-2022, Tổng công ty cổ phần B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho bà Lưu Thị C là 12.000.000 đồng. Bà Lưu Thị C không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho bà là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của bà Lưu Thị C đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là bà Lưu Thị C đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của bà Lưu Thị C không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022 của Tổng công ty cổ phần B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng công ty cổ phần B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của bà C từ ngày 27-03-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 08-4-2022, ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả tiền là từ ngày 09-4-2022. Vì vậy Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 09-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của bà Lưu Thị C.

Hiện tại, bà Lưu Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của bà Lưu Thị C là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày 09-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho trường hợp của bà Lưu Thị C.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tổng công ty cổ phần B) là ông Hà Minh Tấn và tại phiên tòa ông Phạm Quang Đạt trình bày:

Ngày 22-02-2022 bà Lưu Thị C đã mua bảo hiểm cho bản thân thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho bà Lưu Thị C được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Bà Lưu Thị C đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022. Thời hạn bảo hiểm đối với bà Lưu Thị C là 12 tháng, tính từ ngày 23-02-2022 đến ngày 23-02-2023. Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, đã được bà Lưu Thị C đóng toàn bộ vào ngày 22-02-2022.

Sau khi bà Lưu Thị C bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, bà Lưu Thị C đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Tổng công ty cổ phần B cũng đã nhận được bộ hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Lưu Thị C, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của bà Lưu Thị C từ ngày 27-3-2022. Tổng công ty cổ phần B không yêu cầu bà Lưu Thị C bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Bà Lưu Thị C mắc Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm "PTI VỮNG TÂM AN +". Tuy nhiên do bà Lưu Thị C bị mắc bệnh Covid-19 sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thìbà Lưu Thị C mắc Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường hợp của bà Lưu Thị C là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tổng công ty cổ phần B đã thông báo đồng ý hỗ trợ cho bà Lưu Thị C số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nhưng bà Lưu Thị C không đồng ý.

Hiện tại Tổng công ty cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổng công ty cổ phần B không chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị C về việc trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm vì giữa hai bên xảy ra tranh chấp chi trả tiền bảo hiểm.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị C

1.1. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho bà Lưu Thị C số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

1.2. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho bà Lưu Thị C số tiền lãi chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 09-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 13-7-2023 là 3.026.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng)

2. Đình chỉ giải quyết về yêu cầu của bà Lưu Thị C đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 14-7-2023) cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/7/2023, Tổng công ty cổ phần B làm đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và kháng cáo toàn bộ bản án. Chúng tôi sẽ có văn bản trình bày chi tiết lý do kháng cáo và sẽ nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng qui định của pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí đương sự phải nộp theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, Tổng công ty cổ phần B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B:

[2.1] Về tranh chấp bảo hiểm:

[2.1.1] Về việc giao kết hợp đồng: Ngày 22-02-2022 bà Lưu Thị C mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm Bưu điện N, là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Sau khi bà C đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm Bưu điện N đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm là bà Lưu Thị C; Thời hạn bảo hiểm là 12 tháng kể từ ngày 23-02-2022 đến ngày 23-02-2023; Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được bà C đóng toàn bộ một lần vào ngày 22-02-2022; Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm... Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa bà Lưu Thị C và Tổng công ty cổ phần B là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B đối với bà Lưu Thị C phát sinh từ ngày 23-02-2022 đến ngày 23-02-2023.

[2.1.2] Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Phiếu xét nghiệm PCR ngày 10-3-2022 của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153 thì bà Lưu Thị C bị mắc bệnh Covid-19. Như vậy, bà Lưu Thị C đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 16

ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 23-02-2022. Ngay trong ngày 10-3-2022, bà Lưu Thị C đã được đưa vào Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang; đây là cơ sở y tế hợp pháp được Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Các tình tiết trên là cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của bà Lưu Thị C.

[2.1.3] Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc bà Lưu Thị C bị mắc bệnh Covid-19 trong thời hạn bảo hiểm, được điều trị tại cơ sở y tế hợp pháp là sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022 và phụ lục kèm theo; đồng thời việc bà Lưu Thị C bị mắc bệnh Covid-19 không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào được ghi trong Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022. Vì vậy, căn cứ Điều 16 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là bà Lưu Thị C theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

Do bà Lưu Thị C bị mắc bệnh Covid-19 sau khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh Covid-19, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022 thì số tiền bảo hiểm cho trường hợp của bà Lưu Thị C là 24.000.000 đồng.

Đối với quan điểm của Tổng công ty cổ phần B cho rằng bà Lưu Thị C mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế, do đó trường hợp của bà Lưu Thị C là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ mục 3 Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 của Bộ Y tế thì bà Lưu Thị C thuộc loại nguy cơ trung bình, định hướng điều trị tại *"bệnh viện hoặc cơ sở thu dung điều trị Covid-19, trong trường hợp quá tải thì có thể xem xét điều trị tại cộng đồng"*; căn cứ ghi chú tại bảng 4, mục 6.1 Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế về nguyên tắc điều trị thì *"người bệnh nhiễm COVID-19 không triệu chứng hoặc mức độ nhẹ có thể điều trị tại nhà hoặc các cơ sở thu dung điều trị COVID-19 tuỳ theo tình hình dịch tại từng địa phương"*. Trường hợp của bà Lưu Thị C thực tế đã được cơ sở y tế có thẩm

quyền tiếp nhận và điều trị bệnh Covid-19, như vậy là thuộc trường hợp cần thiết phải điều trị tại cơ sở y tế. Quan điểm của Tổng công ty cổ phần B cho rằng bà Lưu Thị C mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế nên không được trả tiền bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ chậm trả: Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000877/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 22-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện Tổng công ty cổ phần B thì Tổng công ty cổ phần B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của bà Lưu Thị C, không yêu cầu phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm là ngày 08-4-2022. Do Tổng công ty cổ phần B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 09-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của bà Lưu Thị C.

Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (13-7-2023) là: 24.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng x 15 tháng 04 ngày = 3.026.000 đồng (đã làm tròn).

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị C, buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho bà C số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng và số tiền chậm trả là 3.026.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, Tổng công ty cổ phần B không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Tổng công ty cổ phần B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng công ty cổ phần B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000269 ngày 24/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định được đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TANDTP Nam Định;
- Chi cụcTHADS TP Nam Định;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hà Nam